

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Bản án số: 13/2021/HS-ST

Ngày: 19/5/2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Xuân Lợi và ông Hoàng Xuân Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thùy Linh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch tham gia phiên tòa: Ông Tạ Phong Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Võ Thanh Q, sinh ngày 10 tháng 12 năm 1989 tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Nghề Nộp: Đánh cá. Nơi cư trú: thôn V, xã, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, trình độ văn hoá: lớp 11/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông: Võ Thanh N và bà Phan Thị K; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 24/3/2011 bị Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đ xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ, tạm giam” từ ngày 13/01/2021 đến ngày 12/3/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lĩnh”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: chị Lê Thị H, sinh năm 1975. Địa chỉ: thôn V, xã Quảng Đ, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Tiến N, sinh năm 1984. Địa chỉ: tổ dân phố M, phường Q, Thị xã B, tỉnh Quảng Bình. vắng mặt.

Ông Hà Duy N, sinh năm 1964. Địa chỉ: thôn T, xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình. vắng mặt.

Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1989. Địa chỉ: xóm 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh N, vắng mặt.

Những người làm chứng:

Chị Tường Thị L, sinh năm 1987. Địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

Ông Trần Ngọc Q, sinh năm 1960. Địa chỉ: xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. vắng mặt.

Chị Phamj Thị G, sinh năm 1987. Địa chỉ: xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Anh Phạm Văn N, sinh năm 1992. Địa chỉ: xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ ngày 09/01/2021, Võ Thanh Q đi bộ qua khu vực nghĩa địa thuộc thôn V, xã Q thì nhìn thấy 03 con trâu gồm 01 con trâu mẹ và 02 con trâu con của chị Lê Thị H. Q quan sát thấy xung quanh không có ai nên đã nảy sinh ý định trộm 03 con trâu. Q nhặt một que gỗ lừa 03 con trâu đi vào một ngôi nhà hoang và lấy một sợi dây thừng có sẵn trong nhà hoang buộc vào con trâu mẹ, sau đó Q dẫn 03 con trâu đi đến nhà bố mẹ vợ tại thôn L, xã Q, huyện Quảng Trạch. Trên đường đi Q gọi điện cho vợ là Phạm Thị G nói “Em có số điện thoại ai mua trâu không? Anh đang dẫn trâu lên nhà”, G hỏi lại “Trâu đâu đó?” thì Q nói “Trâu của anh, trước ly dị anh đưa cho ông mẹ nội nuôi, giờ đưa đi bán để trả nợ”. Sau đó, G gửi số điện thoại của ông Q cùng thôn cho Q và nói “anh Q ở Quảng Châu là người giới thiệu mua trâu anh liên hệ coi”, Q liền gọi vào số của ông Q và nói “Bác có mua trâu không? Gọi cho em, chiều lên nhà N cho họ xem với”, ông Q trả lời “Ừ, chiều anh dẫn người lên xem cho”. Khi Q dẫn ba con trâu về khu vực nhà anh Phạm Văn N thì Q buộc dây vào cây trong vườn nhà anh N. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, ông Q dẫn anh N đến để xem trâu mà Q dẫn về, khi gặp Q, anh N nói “Trâu đâu, dẫn ra xem”, thì Q dắt 03 con trâu ra khu vực sân để anh N xem. Quan sát một lúc thì anh N nói “03 con trâu giá 39.000.000 đồng có bán không?”, Q không đồng ý mà đòi giá 44.000.000 đồng, nghe vậy anh N nói “Tui trả giá cuối cùng là 41.500.000 đồng” thì Q đồng ý. Sau đó, anh N xin bớt 200.000 đồng để trả tiền công gọi điện thoại. Q sử dụng 15.600.000 đồng trong số tiền bán trâu để đi chuộc chiếc xe mô tô mà chị G - vợ của Q đã mượn tiền chị L và để lại chiếc xe làm tin trước đó và nhờ chị L chuyển vào tài khoản của chị G số tiền 24.000.000

đồng. Sau khi mang trâu về trang trại của gia đình, anh N liên hệ bán cho anh Hà Duy N một con trâu tám tháng tuổi với giá 4.000.000 đồng và anh Nguyễn Văn H một con trâu mẹ và một con trâu con với giá 38.000.000 đồng. Anh N đưa trâu về nhà ở M thì thấy trâu yếu, không ăn, chân bị lở nên giết thịt và bán được số tiền 4.500.000 đồng, còn anh H sau khi đưa trâu về nhà chờ người bán thì con trâu con không ăn, chân bị lở nên giết thịt bán được số tiền 14.000.000 đồng.

Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 18/01/2021 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự huyện Quảng Trạch kết luận:

- 01 con trâu cái, khoảng 08 năm tuổi có giá trị là 30.660.000 đồng
- 01 con trâu cái, khoảng 02 năm tuổi có giá trị là 14.600.000 đồng
- 01 con trâu đực, khoảng 08 tháng tuổi có giá trị là 2.920.000 đồng

Tổng giá trị của 03 con trâu là 48.180.000 đồng.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Sau khi nhận được tài sản là 01 con trâu mẹ, chị Lê Thị H yêu cầu Võ Thanh Q phải bồi thường thêm số tiền 28.000.000 đồng tương đương với 02 con trâu con bị giết thịt không thu hồi lại được. Về phía Võ Thanh Q và gia đình nhất trí yêu cầu của chị H và đã bồi thường đầy đủ cho chị Lê Thị H. Đối với anh N, sau khi chị G giao cho anh N 20.000.000 đồng để chuộc con trâu mẹ, anh N đã nhận tiền và giao nộp cho cơ quan điều tra. Anh N yêu cầu Q bồi thường cho anh N số tiền 6.000.000 đồng (tiền thực tế anh N chuộc trâu là 24.000.000 đồng và tiền vận chuyển 2.000.000 đồng). Võ Thanh Q và gia đình nhất trí yêu cầu của anh N và đã bồi thường đầy đủ cho anh N.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Trạch đã thu giữ, xác minh và trả lại:

- Thu giữ và trả lại 01 con trâu cái, khoảng 8 năm tuổi, có lông màu đen, trọng lượng 420kg cho chủ sở hữu là chị Lê Thị H
- Thu giữ và trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH mode, màu trắng, biển kiểm soát 73E1-286.05, xe cũ đã qua sử dụng cho chủ sở hữu là chị Phạm Thị G
- Thu giữ và trả lại 19.600.000 đồng do chị G giao nộp và 200.000 đồng do ông Q giao nộp cho Võ Thanh Q và gia đình để tiến hành bồi thường dân sự với bị hại là chị Lê Thị H.

Bản Cáo trạng số 17/CT-VKSQT ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch truy tố bị cáo Võ Thanh Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch giữ

nguyên quan điểm truy tố, đề N Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Võ Thanh Q từ 18 -24 tháng tù, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/01/2021 đến ngày 12/3/2021. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại và xử lý vật chứng: không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Trạch, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về cấu thành tội phạm: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Võ Thanh Q đã khai nhận toàn bộ về hành vi phạm tội của mình, bị cáo thừa nhận: khoảng 09 giờ ngày 09/01/2021, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt 03 con trâu của chị Lê Thị H với tổng giá trị thiệt hại về tài sản là 48.180.000 đồng. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các lời khai, bản kiểm điểm của bị cáo, lời khai của bị hại, người làm chứng, tang vật chứng đã thu hồi được và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Như vậy, hành vi của bị cáo Võ Thanh Q đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cùng các tình tiết khác có ý nghĩa cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội nói chung, gây tâm lý bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người đã có gia đình, lẽ ra phải chịu khó tu dưỡng, rèn luyện, làm ăn lương thiện, tạo ra thu nhập để nuôi sống gia đình nhưng do lười lao động, coi thường pháp luật nên đã dẫn đến hành vi phạm tội trộm cắp tài sản. Xét về nhân thân bị cáo, ngày 24/3/2011 bị Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không rút kinh nghiệm cho bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội. Xét thấy cần thiết

phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật.

Khi quyết định hình phạt, xem xét cho bị cáo quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và nhận thức được việc làm sai trái của mình; bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả sau khi phạm tội, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để quyết định cho bị cáo một mức án phù hợp.

Đối với một số người liên quan trong vụ án là: anh Phạm Văn N, anh Nguyễn Tiến N, anh Hà Duy N, anh Nguyễn Văn H và anh Trần Ngọc Q là những người có liên quan đến giao dịch mua bán 03 con trâu với bị cáo Võ Thanh Q. Tuy nhiên quá trình điều tra làm rõ, quá trình trao đổi mua bán tất cả những người trên không biết về nguồn gốc của 03 con trâu là do trộm cắp mà có. Vì vậy hành vi của những người trên không đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Điều 323 Bộ luật hình sự.

Đối với chị Tường Thị L là người cho chị Phạm Thị G gửi xe mô tô để mượn số tiền 15.600.000 đồng. Sau khi bán tài sản trộm cắp Q đã nhờ chị L chuyển khoản vào tài khoản của chị G số tiền 24.000.000 đồng. Tuy nhiên chị L và chị G không biết rõ nguồn gốc của số tiền đó là do trộm cắp mà có nên không có cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với chị L và chị G.

[4] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thỏa thuận với nhau về vấn đề dân sự trong vụ án. Trong quá trình điều tra và cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm không ai có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng của vụ án: Các vật chứng của vụ án là: 01 con trâu; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH mode, màu trắng; tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 19.600.000 đồng do chị G giao nộp và 200.000 đồng do ông Q giao nộp, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Trạch đã xác minh và trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo Võ Thanh Q phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; các điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 2

Điều 51 của Bộ luật hình sự, Điều 23 N quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Võ Thanh Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Võ Thanh Q 18 (mười tám) tháng tù, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/01/2021 đến ngày 12/3/2021. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại và xử lý vật chứng: không xem xét.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Võ Thanh Q phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19/5/2021). Những người vắng mặt tại phiên tòa vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- CA huyện Quảng Trạch;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- THADS huyện Quảng Trạch;
- Bị cáo; NTGTT;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- CA huyện Quảng Trạch;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- THADS huyện Quảng Trạch;
- Bị cáo; NTGTT;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Phương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- CA huyện Quảng Trạch;
- UBND xã Quảng Tiến;
- THADS huyện Quảng Trạch;
- Bị cáo;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

